

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2026/HS-PT
Ngày 17 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cơ sở 2, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 202/2026/TLPT- HS ngày 27 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo **Nguyễn Văn G**.

Do bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2026/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2026/QĐ-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1987, tại Phú Thọ; căn cước công dân số: 026087003249; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: **Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn B** và bà **Nguyễn Thị R** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị V** và có 03 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2024 đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Văn G**:* Bà **Nguyễn Thị Kim Q** - Luật sư **Đoàn luật sư tỉnh P** (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH U (gọi tắt là Công ty U) đại chỉ tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc nay là phường V, tỉnh Phú Thọ có xưởng mạ kim loại vàng (ký hiệu hoá học Au) cho chân mạch của các linh kiện điện tử. Để mạ được vàng vào linh kiện điện tử, Công ty U sử dụng phương pháp mạ điện phân với nguyên liệu sử dụng là muối vàng P dạng bột (viết tắt là PGC), công thức hóa học $\text{KAu}(\text{CN})_2$, nhập khẩu từ Hàn Quốc, đơn giá theo từng lô nhập khẩu, hàm lượng vàng (A) trong hỗn hợp là 68%. Khi sản xuất, PGC được nhân viên phòng hoá chất kiểm tra, hòa tan vào các bể chứa dung dịch nước, phụ gia (gọi là bể mạ) và được máy khuấy đều. Xưởng mạ được thiết kế thành 08 dây chuyền (gọi là L) ký hiệu lần lượt là A, B, C, D, E, F, G, H; mỗi Line chứa một số bể dung dịch mạ vàng với kích thước như nhau, ký hiệu là Au1, Au2,...(gọi tắt theo line là A1, A2, B1, B2,...). Khi mạ, các linh kiện điện tử được di chuyển ở dây chuyền phía trên bể mạ rồi được thiết bị hút dung dịch từ bể mạ phun vào linh kiện với cường độ dòng điện nhất định; toàn bộ việc vận hành, điều khiển dây chuyền mạ được các công nhân của xưởng mạ trực tiếp thao tác. Hàng ngày, nhân viên phòng hoá chất của Công ty sẽ tiến hành lấy mẫu dung dịch trong các bể mạ để xác định nồng độ vàng, từ đó bổ sung thêm PGC (nếu thiếu hụt) để đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định.

Năm 2021, Nguyễn Văn G ký hợp đồng lao động làm công nhân của Công ty U và làm việc tại xưởng mạ. Sau đó, G được phân công làm Tổ trưởng một ca làm việc của xưởng mạ. Quá trình làm việc tại xưởng mạ, G quen biết với Khổng Văn L1 là nhân viên kỹ thuật mạ dưới quyền. Từ ngày 23/5/2023, khi G được phân công làm Tổ trưởng ca đêm (từ 20 giờ hôm trước đến 05 giờ hôm sau, hoặc đến 08 giờ nếu hoàn thiện giấy tờ, báo cáo), L1 gặp G bàn bạc về việc trộm cắp vàng trong dung dịch của các bể mạ bằng cách L1 cung cấp cho G các túi vải lưới chứa các mảnh kim loại niken (gọi tắt là túi niken, kích thước 07x12 cm, một đầu túi được bọc kín bằng sợi dây dài khoảng 20-30cm) để G nhúng túi này vào bể mạ trong các ca làm việc; mỗi túi ngâm từ 04 đến 05 giờ thì vàng sẽ mạ vào kim loại niken trong túi. Kết thúc ca làm việc, G sẽ lấy các túi niken đã

được mạ vàng đó giao lại cho L1 đem đi tiêu thụ; L1 sẽ trả tiền cho G số tiền 3.500.000 đồng/01 túi mạ vàng. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 25/5/2023 đến 17/6/2023, G đã nhận 17 túi niken có đặc điểm giống nhau từ L1 để tiến hành trộm cắp vàng 12 lần (12 ca làm việc) trong dung dịch các bể mạ; 15/17 túi niken mạ vàng đó đã được G nhúng vào bể mạ, thu được vàng và đã được giao lại cho L1. Ngày 17/6/2023, khi G tiếp tục nhúng 02 túi niken vào bể mạ thì bị Công ty U phát hiện. Cụ thể các lần G và L1 trộm cắp vàng như sau:

- Lần 1: Đêm 25/5/2023, khi đang làm việc ca đêm tại Công ty, L1 đưa cho G 01 túi niken thứ nhất (gọi tắt là túi T1). Lợi dụng thời điểm không ai biết, trong đêm hôm đó, G treo túi T1 ngâm trong bể B3 với thời gian khoảng 04-05 giờ. Đến rạng sáng ngày 26/5/2023, G vớt túi T1 lên, sấy khô, giấu trong người rồi giao cho L1 tại Công ty, không để ai biết. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 đã trả cho G số tiền 3.500.000 đồng.

- Lần 2: Đêm 26/5/2023, khi đang làm việc ca đêm tại Công ty, L1 đưa cho G 01 túi niken thứ hai (gọi tắt là túi T2). Lợi dụng thời điểm không ai biết, trong đêm hôm đó, G treo túi T2 ngâm trong bể B2 với thời gian khoảng 04-05 giờ. Đến rạng sáng ngày 27/5/2023, G vớt túi T2 lên, sấy khô, giấu trong người rồi giao cho L1 tại Công ty, không để ai biết. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 đã trả cho G số tiền 3.500.000 đồng. Đồng thời, L1 đưa cho G 01 túi niken (gọi tắt là túi T3) rồi L1 cất vào tủ để đồ cá nhân của mình.

- Lần 3: Tối 27/5/2023, G đến Công ty làm việc ca đêm theo lịch. Lợi dụng thời điểm không ai biết, trong đêm hôm đó, G lấy túi T3 trong tủ cá nhân, treo túi T3 ngâm trong một bể vàng thuộc line B với thời gian khoảng 04-05 giờ. Đến sáng ngày 28/5/2023, G vớt túi T2 lên, sấy khô, giấu trong người rồi giao cho L1 tại Công ty, không để ai biết. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 trả cho G 3.500.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của L1 đến tài khoản 19035635779011 của G (đều thuộc Ngân hàng T).

- Lần 4, 5: Tối 01/6/2023, L1 đưa cho G 02 túi niken (gọi tắt là túi T4, T5) tại quán nước bên ngoài Công ty (L1 nghỉ việc từ ngày 28/5/2023). Đêm 01/6/2023, G làm ca đêm, mang túi T4, T5 vào Công ty. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, G treo túi T4 ngâm trong bể B2 với thời gian khoảng 04-05 giờ (lần 4). Rạng sáng 02/6/2023, G vớt túi T4 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết. Tương tự, đêm 02/6/2023, G làm ca đêm rồi treo

túi T5 ngâm trong bể B3 với thời gian khoảng 04-05 giờ (lần 5). Rạng sáng ngày 03/6/2023, G vớt túi T5 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 03/6/2023), G lấy 02 túi T4, T5 mang ra ngoài, hẹn L1 đến khu vực Trường Chính trị tỉnh V (cũ) để giao 02 túi này. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 trả cho G 7.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của L1 đến tài khoản 19035635779011 của G. Đồng thời, L1 tiếp tục đưa cho G 02 túi niken (gọi tắt là túi T6, T7).

- Lần 6: Do ngày 03/6/2023, 04/6/2023, G nghỉ phép và nghỉ chủ nhật nên không trộm cắp vàng được. Sáng ngày 05/6/2025, G gặp L1 ở T tỉnh Vĩnh Phúc (cũ); do chưa lấy được vàng trong túi T6, T7 nên L1 chưa giao tiền. L1 tiếp tục đưa cho G 02 túi niken (gọi tắt là túi T8, T9). Tối ngày 05/6/2023, G đi làm ca đêm, mang 04 túi T6, T7, T8, T9 vào Công ty, không bị ai phát hiện. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, G treo 02 túi ngâm trong bể B2 và treo 02 túi ngâm trong bể B3 đều với thời gian khoảng 04-05 giờ. Rạng sáng ngày 06/6/2023, G vớt 04 túi lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 06/6/2023), G lấy 04 túi T6, T7, T8, T9 mang ra ngoài, hẹn L1 đến quán nước trên đường P ở phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) giao 04 túi này. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 trả cho G 14.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của L1 đến tài khoản 19035635779011 của G. Đồng thời, L1 tiếp tục đưa cho G 02 túi niken (gọi tắt là túi T10, T11).

- Lần 7, 8: Tối 06/6/2023, G đi làm ca đêm, mang 02 túi T10, T11 vào Công ty, không bị ai phát hiện. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, G treo túi T10 ngâm trong bể B3 với thời gian khoảng 04-05 giờ (lần 7). Rạng sáng ngày 07/6/2023, G vớt túi T10 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết. Tương tự, đêm 07/6/2023, G làm ca đêm rồi tiếp tục treo túi T11 ngâm trong bể B2 với thời gian khoảng 04-05 giờ (lần 8). Rạng sáng ngày 08/6/2023, G vớt túi T11 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 08/6/2023), G lấy 02 túi T10, T11 mang ra ngoài, hẹn L1 đến khu vực Trường Chính trị tỉnh V (cũ) để giao 02 túi này. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, L1 trả cho G 7.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của L1 đến tài khoản 19035635779011 của G. Đồng thời, L1 tiếp tục đưa cho G 01 túi niken (gọi tắt là túi T12).

- Lần 9: Tối 08/6/2023, **G** đi làm ca đêm, mang 01 túi T12 vào Công ty, không bị ai phát hiện. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, **G** treo túi T12 ngâm trong bể B3 với thời gian khoảng 04-05 giờ. Rạng sáng ngày 09/6/2023, **G** vớt túi T12 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 09/6/2023), **G** lấy túi T12 mang ra ngoài, hẹn **L1** đến quán nước trên đường P ơ phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) để giao túi. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, **L1** trả cho **G** 3.500.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của **L1** đến tài khoản 19035635779011 của **G** (đều thuộc Ngân hàng T1). Đồng thời, **L1** tiếp tục đưa cho **G** 02 túi niken (gọi tắt là túi T13, T14).

- Lần 10: Tối 09/6/2023, **G** đi làm ca đêm, mang 02 túi T13, T14 vào Công ty, không bị ai phát hiện. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, **G** treo túi T13 ngâm trong bể B2 và treo túi T14 ngâm trong bể B3 với thời gian khoảng 04-05 giờ. Rạng sáng ngày 10/6/2023, **G** vớt túi T13, T14 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 10/6/2023), **G** lấy 02 túi T13, T14 mang ra ngoài, hẹn **L1** đến quán nước ở đường P ơ phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) để giao 02 túi này. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, **L1** trả cho **G** 7.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của **L1** đến tài khoản 19035635779011 của **G** (đều thuộc Ngân hàng T). Đồng thời, **L1** tiếp tục đưa cho **G** 01 túi niken (gọi tắt là túi T15).

- Lần 11: Tối 10/6/2023, **G** mang 01 túi T15 vào Công ty, không bị ai phát hiện. Đêm hôm đó, lợi dụng thời điểm không ai biết, **G** treo túi T15 ngâm trong một bể của line B với thời gian khoảng 04-05 giờ. Rạng sáng ngày 11/6/2023, **G** vớt túi T15 lên, sấy khô, cất vào tủ để đồ của mình, không để ai biết rồi làm tiếp. Khi hết ca làm việc (sáng ngày 11/6/2023), **G** lấy túi T15 mang ra ngoài, hẹn **L1** đến quán nước ở đường P ơ phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) để giao túi này. Sau khi kiểm tra, xác định đã thu được vàng trong túi, **L1** trả cho **G** 3.500.000 đồng bằng cách chuyển khoản từ tài khoản số 19032849317016 của **L1** đến tài khoản 19035635779011 của **G** (đều thuộc Ngân hàng T). Đồng thời, **L1** tiếp tục đưa cho **G** 02 túi niken (gọi tắt là túi T16, T17).

- Lần 12: Sáng 15/6/2023, **G** mang 02 túi T16, T17 vào Công ty để làm ca ngày, cất trong tủ để đồ cá nhân, không bị ai phát hiện. Do đã chuyển sang làm việc ca ngày, có người quản lý giám sát nên trong ngày 15, 16/6/2023, **G** không

trộm cắp được vàng. Sáng ngày 17/6/2023, **G** tiếp tục đi làm ca ngày theo lịch. Hồi 12 giờ 19 phút, lợi dụng khi người quản lý và các công nhân ăn cơm, nghỉ trưa, **G** lấy trong tủ đựng đồ cá nhân ra 02 túi T16, T17 rồi tiến hành treo túi T16, ngâm trong bể B2. Khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, **G** tiếp tục treo túi T17 ngâm trong bể G1 nhưng đã sơ ý làm rơi túi T17 xuống đáy bể, Giáp không thể vớt lên được do bể mạ có máy khuấy hoạt động và không có công cụ vớt. Sau đó, **G** tiếp tục làm việc tại line B như bình thường.

Đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, chị **Tô Thị Nguyệt M** là nhân viên phòng hoá chất đến lấy mẫu dung dịch trong bể B2 kiểm tra nồng độ vàng thì phát hiện túi T16 đang được ngâm trong bể (khi đó túi ngâm được khoảng 90 phút) nên vớt lên và nói chuyện cho **G** biết (vì lúc này chị **M** không biết **G** là người treo túi). Chị **M** mang túi T16 đi kiểm tra, xác định trong túi là hỗn hợp kim loại niken và vàng (loại niken không có trong Công ty). Sau này, khi tiến hành nung chảy, cô đặc vật liệu trong túi T16 tạo thành khối đồng nhất có khối lượng là 53,7 gam, trong đó hàm lượng vàng là 22,75%, tương ứng với 12,22 gam, hàm lượng niken là 77,25%, tương ứng với 41,48 gam (ký hiệu A1). Khi biết hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện, **G** chủ động nộp đơn xin nghỉ việc tại Công ty.

Ngày 22/6/2023, **G** ra đầu thú và chỉ dẫn cho Cơ quan Cảnh sát điều tra đến vị trí bể mạ đã treo túi T17 và xác định đó là bể G1. Tiến hành rút cạn dung dịch trong bể G1 thì đáy bể còn lại các sợi cước nhỏ màu xanh đen quấn vào nhau cùng nhiều mảnh kim loại màu vàng có kích thước khác nhau. Sau này, tiến hành nung chảy, cô đặc các vật liệu đó tạo thành khối đồng nhất có khối lượng là 104,2 gam, trong đó hàm lượng vàng là 94,6%, tương ứng với 98,57 gam, hàm lượng niken là 3,68%, tương ứng với 3,83 gam, hàm lượng đồng là 1,72%, tương ứng với 1,8 gam (ký hiệu A2).

Tại bản Kết luận giám định số 8844 ngày 13/12/2023 của **V1 Bộ C1** xác định hàm lượng vàng trong 02 mẫu kim loại thu tại bể B2. G1 (ký hiệu A1, A2) và trong mẫu dung dịch thu trong bể vàng B2 kết luận:

+ 01 miếng kim loại hình tròn lặn tạp chất gửi giám định có tổng khối lượng 53,70 gam, tính cả khối lượng tạp chất (tức mẫu thu tại bể B2); phần kim loại là hợp kim của niken (**N**), vàng (**A**), hàm lượng của **N**: 77,25%, Au: 22,75%.

+ 01 miếng kim loại hình tròn lặn tạp chất gửi giám định có tổng khối lượng 104,20 gam, tính cả khối lượng tạp chất (tức mẫu thu tại bể G1). Phần

kim loại là hợp kim của vàng (A), niken (N), đồng (Cu), hàm lượng của A: 94,60%, Ni: 3,68%, Cu: 1,72%.

+ Mẫu dung dịch đựng trong lọ nhựa màu trắng gửi giám định (mẫu dung dịch thu tại bể B2) có tìm thấy vàng, hàm lượng vàng là 5,04 mg/l.

- Ngày 11/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P ra Quyết định trưng cầu giám định đề nghị Viện khoa học hình sự (C09) Bộ C1 giám định qua tài liệu, hồ sơ trong vụ án để xác định khả năng bám, mạ, kết tủa của vàng trên kim loại niken đựng trong các túi lưới thả trong bể mạ; khối lượng vàng thu được trong túi lưới ngâm trong bể mạ với thời gian 04 giờ; giải thích hàm lượng vàng đối với các mẫu thu được trong bể B2, G1. Ngày 12/02/2026, C09 ban hành các văn bản số 480/C09-P4 và 481/C09-P4 về việc từ chối giám định và giải thích kết luận giám định với nội dung: Đối tượng giám định là hàm lượng vàng qua hồ sơ, tài liệu thu thập được trong vụ án, C09 không đủ cơ sở để tiến hành giám định; Đối với việc giám định khả năng bám, mạ hoặc kết tủa và tính khối lượng theo thời gian của vàng trên bề mặt của kim loại niken đựng trong các túi lưới thả trong các bể mạ vàng của Công ty U cần dựa trên việc tiến hành thực nghiệm, việc thực nghiệm không xác định chính xác được điều kiện và các thông số cụ thể như vụ việc xảy ra ngày 17/6/2023. Do vậy, C không đủ cơ sở để tiến hành giám định; Đối với việc giải thích hàm lượng vàng đối với các mẫu thu được trong bể B2, G1 là kết quả thực tế của các mẫu do Cơ quan trưng cầu đã gửi đến giám định.

Ngày 28/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Quyết định thực nghiệm điều tra để kiểm chứng, xác định số vàng thực tế thu được khi ngâm túi niken (đặc điểm tương tự như chiếc túi thu được tại bể B2) ngâm trong dung dịch bể mạ vàng với điều kiện tương tự như thời điểm ngày 17/6/2023 trong 02 mốc thời gian là 90 phút và 04 giờ. Tuy nhiên, Công ty U kiên quyết từ chối và đã gửi văn bản trả lời về việc không đồng ý cho tiến hành nên việc thực nghiệm không thực hiện được.

- Ngày 02/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) ra Yêu cầu định giá tài sản số 3966/YC-ĐCSHS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) xác định giá trị của vàng trong 01 miếng kim loại có khối lượng 53,70 gam (mẫu thu tại bể B2 sau khi đã giám định) và 01 miếng kim loại có tổng khối lượng 104,20 gam (mẫu thu tại bể G1 sau khi đã giám định) tại thời điểm ngày 17/6/2023. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 148/KL-HĐĐG ngày 19/11/2024, Hội đồng

định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc** (cũ) kết luận:

+ Trị giá vàng (Au) trong 01 miếng kim loại hình tròn lằn tạp chất có tổng khối lượng 53,70 gam, phần kim loại là hợp kim của niken (**N**), **vàng (A)**, hàm lượng của Ni 77,25%, Au 22,75% tại thời điểm ngày 17/6/2023 là 18.260.000 đồng.

+ Trị giá vàng (Au) trong 01 miếng kim loại hình tròn lằn tạp chất có tổng khối lượng 104,20 gam, phần kim loại là hợp kim của vàng (**A**), niken (**N**), đồng (Cu), hàm lượng của **A** 94,60%, Ni 3,68%, Cu 1,72% tại thời điểm ngày 17/6/2023 là 147.335.000 đồng.

+ Tổng giá trị vàng (Au) trong 02 miếng kim loại trên tại thời điểm ngày 17/6/2023 là 165.595.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Ngày 26/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** ra Yêu cầu định giá tài sản số A4520/YC-CSHS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **phường V, tỉnh Phú Thọ** xác định giá trị của vàng (**A**) trong 16 túi vải giống nhau (mỗi túi vải chứa 12,22 gam vàng) tại thời điểm ngày 17/6/2023. Tại bản kết luận định giá tài sản số 802/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **phường V, tỉnh Phú Thọ** kết luận: Trị giá vàng (**A**) trong 16 túi vải giống nhau, mỗi túi chứa hỗn hợp kim loại có khối lượng vàng là 12,22 gam tại thời điểm ngày 17/6/2023 là 18.260.000 đồng x 16 (túi) = 292.160.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** đã thông báo cho **Công ty U, Nguyễn Văn G** biết và đều nhất trí với kết quả định giá tài sản trên.

Quá trình điều tra vụ án, **G** luôn thừa nhận mục đích ngâm các túi niken trong thời gian từ 04 đến 05 giờ để trộm cắp vàng bể mạ. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được túi T16 mà Giáp treo tại bể B2 vào ngày 17/6/2023; thời điểm phát hiện, túi T16 đã ngâm được 90 phút trong bể và thu được vàng (Au) có khối lượng là 12,22 gam (theo kết luận giám định) có trị giá là 18.260.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ vào chỉ dẫn của **G**, vào ngày 23/6/2023, Cơ quan điều tra thu giữ được một số mảnh kim loại ở đáy bể G1 (vị trí **G** bị rơi túi T17) có khối lượng vàng trong mẫu là 98,57 gam (theo kết luận giám định); tuy nhiên, đây không phải là túi nguyên vẹn như khi **G** mới thả túi và thời điểm thu giữ các mảnh kim loại này diễn ra sau thời điểm **G** ngâm túi 06 ngày. Đối với 15 túi niken (từ T1 đến T15) do **G** đã ngâm trong dung dịch bể mạ đủ 04 đến 05 giờ, thu được vàng và đã giao cho **L1** để đi tiêu thụ thì Cơ quan điều tra chưa thu

giữ được và không xác định được chính xác khối lượng vàng thực tế mà **G** đã trộm cắp được. Cơ quan điều tra đã đề nghị thực nghiệm điều tra nhưng **Công ty U** kiên quyết từ chối, không thực hiện được. Mặt khác, Cơ quan điều tra **T2 Bộ C1** để xác định khối lượng vàng thu được khi ngâm các túi niken trong thời gian 04 giờ nhưng **V1** không đủ cơ sở xác định được. Căn cứ lời khai của **G**, các tài liệu trong hồ sơ; khối lượng vàng thực tế mà **G** đã trộm cắp được khi ngâm túi T16 trong thời gian 90 phút (đã thu được 12,22 gam vàng) và áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thì **G** phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 17 túi (từ T1 đến T) trong thời gian 90 phút/01 túi như đối với túi T16 thu được trên thực tế (giá trị vàng trong túi T16 theo kết luận định giá tài sản là 18.260.000 đồng). Như vậy, từ ngày 25/5/2023 đến ngày 17/6/2023, giá trị của số vàng mà **G** chiếm đoạt của **công ty U** (17 túi) là 18.260.000 đồng x 17 (túi) = 310.420.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã đề nghị **Ngân hàng T** cung cấp kết quả sao kê tài khoản của **Nguyễn Văn G** và tài khoản của **Khổng Văn L1**. Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện việc **Khổng Văn L1** chuyển khoản tiền cho **Nguyễn Văn G** 07 lần với tổng số tiền là 45.500.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, **Công ty U** trình báo về việc tại các line khác (hoặc thời điểm khác) bị hao hụt vàng bất thường, nghi vấn do bị Công nhân làm việc tại xưởng mạ sử dụng phương thức tương tự để trộm cắp vàng. Tuy nhiên, **Công ty U** không nghi vấn cụ thể cho ai, không cung cấp tài liệu cụ thể; đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không có căn cứ xác định nguyên nhân hao hụt vàng tại các dây chuyền là do bị trộm cắp.

Đối với hành vi phạm tội của **Khổng Văn L1**. Ngày 18/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh V** nay là tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định khởi tố bị can số 68 đối với **Khổng Văn L1** về tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, **Khổng Văn L1** bỏ trốn, chưa bắt được. Ngày 12/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** đã ra quyết định tách vụ án hình sự phần hành vi phạm tội của **L1** và ra lệnh truy nã đối với **Khổng Văn L1** để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 142/2026/HS-ST, ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Phú Thọ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn G** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm

b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G** 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/8/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày ..tháng.. năm 2026, bị cáo **Nguyễn Văn G** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Văn G**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn G** trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên **Công an tỉnh P**; VKSND khu vực 9 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Xuất phát từ mục đích vụ lợi muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân, **Nguyễn Văn G** là công nhân thuộc xưởng mạ của **Công ty U**, địa chỉ tại **Khu công nghiệp K, phường V, tỉnh Phú Thọ** đã lợi dụng sơ hở trong quá trình quản lý, giám sát, vận hành mạ linh

kiện điện tử. **Nguyễn Văn G** đã chiếm đoạt tài sản (vàng) của Công ty bằng thủ đoạn ngâm các túi niken vào các bể mạ của **Công ty U** để trộm cắp vàng trong dung dịch bể mạ. Quá trình điều tra đã xác định rõ, trong thời gian từ ngày 25/5/2023 đến ngày 17/6/2023, **G** đã thực hiện 12 lần sử dụng 17 túi niken tương tự nhau, thả vào các bể dung dịch mạ để chiếm đoạt vàng. Đến ngày 17/6/2023, khi **G** đang thực hiện hành vi ngâm túi niken trong bể để chiếm đoạt dung dịch vàng thì bị **Công ty U** phát hiện nên không thực hiện được nữa. Tổng trị giá tài sản (vàng) do **Nguyễn Văn G** chiếm đoạt theo kết luận định giá là 310.420.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chỉ **Nguyễn Thị V** (vợ của **G**) đã tự nguyện bồi thường cho **Công ty U** số tiền 130.840.000 đồng, phía **Công ty U** không yêu cầu **G** bồi thường thêm.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Văn G** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

[4]. Xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Văn G**; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về tính chất của vụ án là tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sử hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác; xuất phát từ mục đích tư lợi chỉ trong khoảng thời gian từ ngày 25/5/2023 đến ngày 17/6/2023, bị cáo **Nguyễn Văn G** đã 12 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (vàng) của **Công ty U** để bán cho **Nguyễn Văn L2** lấy tiền tiêu sài cá nhân thì bị phát hiện. Do vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm; căn cứ vào nhân thân của bị cáo; căn cứ vào trị giá tài sản do bị cáo chiếm đoạt, hậu quả xảy ra và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G** 08 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và Luật sư bào chữa không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Về nội dung tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G** 08 năm 09 tháng tù là nặng thấy rằng: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”. Căn cứ vào quy định trên và được áp dụng trong vụ án cụ thể này, bị cáo **Nguyễn Văn G** đã chiếm đoạt tài sản của bị hại có trị giá 310.420.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm để quyết định mức hình phạt 08 năm 09 tháng tù như trên là có cơ sở, tương xứng với hành vi bị cáo thực hiện. Vì vậy, việc bị cáo và Luật sư bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt so với mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Văn G**; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 9- Phú Thọ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Văn G** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn G**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 142/2026/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn G** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn G** **08** (tám) năm **09** (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 08/8/2024;

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn G** phải chịu

200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghĩa

Nguyễn Xuân Trọng

Nguyễn Duy Sơn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 9 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 - CA tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Phú Thọ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sơn

